UBND TỈNH HẢI DƯƠNG
SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Dương, ngày 26 tháng 5 năm 2020

MỘT SỐ ĐIỀU CẦN BIẾT KHI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 42/NQ-CP NGÀY 09/4/2020 CỦA CHÍNH PHỦ VÀ QUYẾT ĐỊNH SỐ 15/QĐ-TTG NGÀY 29/4/2020 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ VỀ VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ NGƯỜI DÂN GẶP KHÓ KHĂN DO ĐẠI DỊCH COVID-19

(Được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Lao động TB&XH theo địa chỉ: http://bovoinddn.molisa.gov.vn/trang-chu/cac-van-de-thuong-gap)

I. ĐỐI TƯỢNG NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠM HOÃN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG HOẶC NGHỈ VIỆC KHÔNG HƯỞNG LƯƠNG

Câu hỏi 1:

Người lao động trong các đơn vị sử dụng lao động không phải là doanh nghiệp (ví dụ hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, các đơn vị sự nghiệp, hộ kinh doanh,…) bị tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động hoặc nghỉ việc không hưởng lương có được hỗ trợ 1.800.000 đồng/người/tháng theo Nghị quyết số 42/NQ-CP không?

Trả lời:

Trường hợp này không được hỗ trợ vì Nghị quyết số 42/NQ-CP và Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg chỉ quy định hỗ trợ đối với người lao động làm việc trong doanh nghiệp.

Câu hỏi 2:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 1, khoản 3 Điều 2 Chương I Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg, điều kiện để người lao động tạm hoãn hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương được hỗ trợ là "đang tham gia BHXH bắt buộc tính đến thời điểm ngay trước khi tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động hoặc nghỉ việc không hưởng lương". Như vậy, đối với trường hợp người lao động đang tham gia BHXH nhưng do doanh nghiệp gặp khó khăn chưa kịp thời đóng BHXH cho người lao động đến thời điểm tạm hoãn hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương thì người lao động có được hưởng chế độ hay không?

Trả lời:

"Người lao động đang tham gia BHXH" là người lao động thuộc diện tham gia BHXH theo quy định tại Điều 2 của Luật Bảo hiểm xã hội và đã đăng ký tham gia với cơ quan BHXH.

Trường hợp người lao động đang tham gia BHXH nhưng do doanh nghiệp gặp khó khăn chưa kịp thời đóng BHXH cho người lao động đến thời điểm tạm hoãn hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương, thỏa mãn các điều kiện quy định tại Điều 1 Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg thì người lao động vẫn được xem xét hưởng chế độ.

Câu hỏi 3:

Một trong các điều kiện xét hưởng hỗ trợ mức 1.800.000 đồng/người/tháng là có thời gian tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương từ 01 tháng liên tục trở lên, vậy 01 tháng được tính 30, 31 ngày theo lịch hay số ngày làm việc trong 1 tháng?

Trả lời:

01 tháng ở đây được tính là 30 ngày liên tục, tính từ ngày bắt đầu tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương (không tính theo ngày làm việc theo hợp đồng lao động).

Câu hỏi 4:

Người lao động có thời gian tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng từ 01 tháng (30 ngày) trở lên, nếu có ngày lẻ không tròn tháng thì được làm tròn như thế nào khi tính hỗ trợ mức 1.800.000đ/người/tháng.

Trả lời:

Trường hợp Người lao động có thời gian tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng từ 01 tháng trở lên, nếu có ngày lẻ không tròn tháng thì làm tròn theo nguyên tắc: dưới 15 ngày không tính, từ 15 ngày trở lên làm tròn thành 01 tháng.

Câu hỏi 5:

Người lao động bắt đầu tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động từ ngày 01 tháng 3 năm 2020 đến ngày 31 tháng 5 năm 2020 và vẫn trong thời hạn hợp đồng lao động thì có thuộc đối được tượng hỗ trợ 1.800.000 đồng/người/tháng?

Trả lời:

Khoản 1 Điều 1 Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg quy định điều kiện "thời điểm bắt đầu tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương từ ngày 01 tháng 4 năm 2020 đến ngày 01 tháng 6 năm 2020", do đó trường hợp có thời điểm bắt đầu tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động hoặc nghỉ việc không hưởng lương vào thời điểm trước ngày 01 tháng 4 năm 2020 không thuộc đối tượng hỗ trợ của Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg và Nghị quyết số 42/NQ-CP.

Câu hỏi 6:

Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động cho doanh nghiệp, có đóng bảo hiểm xã hội tháng 4/2020, do ảnh hưởng của dịch Covid -19 bị nghỉ việc không hưởng lương 3 tháng từ ngày 01/5/2020 có thuộc đối tượng được hỗ trợ 1.800.000 đồng/người/tháng không?

Trả lời:

Trường hợp này người lao động được xét hưởng hỗ trợ trong tháng 5/2020 và tháng 6/2020 theo quy định tại Điều 1 Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg và Nghị quyết số 42/NQ-CP.

Câu hỏi 7:

Người lao động thỏa thuận với người sử dụng lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng, nghỉ việc không hưởng lương do doanh nghiệp bị ảnh hưởng dịch Covid-19 từ ngày 01/4/2020 đến hết ngày 31/5/2020. Vào ngày 20/4/2020, hai bên thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động kể từ ngày 01/5/2020. Vậy người lao động có được hưởng chính sách hỗ trợ nào theo Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg?

Trả lời:

1. Đối với thời gian tạm hoãn thực hiện hợp đồng, nghỉ việc không hưởng lương từ 1/4/2020 đến hết ngày hết 30/4/2020 là đủ 01 tháng liên tục thì người lao động thuộc đối tượng xét hưởng hỗ trợ theo quy định tại Điều 1 Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg.

2. Đối với việc chấm dứt hợp đồng lao động kể từ ngày 01/5/2020, trường hợp người lao động không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp thì được xem xét hỗ trợ theo quy định tại Điều 5 Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg.

Câu hỏi 8:

Trường hợp doanh nghiệp không có công đoàn cơ sở thì có cần công đoàn cấp trên trực tiếp xác nhận Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp động lao động và nghỉ việc không hưởng lương không?

Trả lời:

Việc xác nhận của tổ chức công đoàn chỉ áp dụng đối với doanh nghiệp có tổ chức công đoàn cơ sở; trường hợp trong doanh nghiệp chưa có tổ chức công đoàn cơ sở thì không cần xác nhận và cũng không yêu cầu công đoàn cấp trên trực tiếp xác nhận.

Câu hỏi 9:

Tại Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg quy định hồ sơ của doanh nghiệp đề nghị cho người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không

hưởng lương được hỗ trợ 1.800.000 đồng/người/tháng phải có Báo cáo tài chính năm 2019, quý I năm 2020. Vậy Báo cáo tài chính đó có phải đã được kiểm toán hay không?

Trả lời:

Tại Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg quy định bản sao Báo cáo tài chính năm 2019, quý I năm 2020, không quy định phải qua kiểm toán.

Câu hỏi 10:

Trường hợp doanh nghiệp có nhiều chi nhánh hoặc văn phòng đại diện hoặc địa điểm sản xuất kinh doanh muốn được làm thủ tục hưởng chế độ đối với người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động hoặc nghỉ việc không hưởng lương thì nộp hồ sơ ở đâu?

Trả lời:

Trường hợp này doanh nghiệp gửi hồ sơ đề nghị hỗ trợ đến UBND cấp huyện nơi đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc cho người lao động của doanh nghiệp hoặc chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm sản xuất kinh doanh.

II. ĐỐI TƯỢNG HỘ KINH DOANH

Câu hỏi 1:

Hộ kinh doanh có nhu cầu hỗ trợ thì nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ tại đâu?

Trả lời:

Hộ kinh doanh đủ điều kiện theo quy định tại Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ đến UBND cấp xã nơi có địa điểm kinh doanh.

Câu hỏi 2:

Hộ kinh doanh thì chỉ cần có bản sao kê khai thuế (dưới 100 triệu) và thuộc nhóm nghề kinh doanh do Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu ngừng kinh doanh là đủ điều kiện nhận hỗ trợ theo Nghị quyết 42/NQ-CP, mặc dù gia đình khá giả, nhà xây mọi thứ đầy đủ, thậm chí là hộ khá trong khu vực có phải không?

Trả lời:

Hộ kinh doanh đảm bảo đủ điều kiện quy định tại Điều 3 Quyết định số 15/2020/QĐTTg và có hồ sơ đề nghị hỗ trợ thì được xem xét hỗ trợ. Việc thẩm định, phê duyệt danh sách các đối tượng được hỗ trợ thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh và đảm bảo các nguyên tắc theo Nghị quyết số 42/NQ-CP, đặc biệt là nguyên tắc hỗ trợ đối tượng bị giảm sâu thu nhập, mất, thiếu việc làm, gặp khó khăn, không đảm bảo mức sống tối thiểu, chịu ảnh hưởng của dịch Covid-19.

III. ĐỐI TƯỢNG NGƯỜI LAO ĐỘNG BỊ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG, HỢP ĐỒNG LÀM VIỆC (HĐLĐ, HĐLV)

Câu hỏi 1:

Nguyên tắc để tính tháng hỗ trợ đối với người lao động chấm dứt HĐLĐ hoặc HĐLV nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp như thế nào?

Trả lời:

Đối tượng người lao động bị chấm dứt HĐLĐ hoặc HĐLV nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp được hỗ trợ hằng tháng. Do đó, thời gian hỗ trợ theo tháng (tính đủ 30 ngày) kể từ khi người lao động bị chấm dứt HĐLĐ hoặc HĐLV đến ngày nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ.

Trường hợp sau khi tính đủ tháng, những ngày lẻ còn lại được tính làm tròn theo nguyên tắc: dưới 15 ngày thì không tính, từ 15 ngày trở lên thì tính tròn 01 tháng.

Câu hỏi 2:

Mức chuẩn cận nghèo trong quy định về điều kiện thu nhập đối với người lao động bị chấm dứt hợp đồng lao động/hợp đồng làm việc là mức nào?

Trả lời:

Mức chuẩn cận nghèo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 7 Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg là mức chuẩn cận nghèo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 1 Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg, cụ thể: 1.000.000 đồng/người/tháng ở khu vực nông thôn và 1.300.000 đồng/người/tháng ở khu vực thành thị. Trường hợp địa phương có chuẩn nghèo riêng thì áp dụng theo chuẩn nghèo của địa phương (Khoản 3 Điều 19 Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg)

Câu hỏi 3:

Thời điểm bắt đầu hỗ trợ đối với đối tượng người lao động chấm dứt HĐLĐ hoặc HĐLV nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp đủ điều kiện hỗ trợ theo Nghị quyết số 42/NQ-CP và Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg được tính từ khi nào?

Trả lời:

Thời điểm bắt đầu được hỗ trợ đối với đối tượng này được tính từ thời điểm người lao động chấm dứt HĐLĐ hoặc HĐLV.

Câu hỏi 4:

Thành phần hồ sơ đề nghị hỗ trợ đối với người lao động chấm dứt HĐLĐ hoặc HĐLV nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp là gì?

Trả lời:

Theo quy định tại Mẫu số 03 ban hành kèm theo Quyết định số 15/2020/QĐ-

TTg, ngoài Giấy đề nghị hỗ trợ, để xem xét người lao động có đủ điều kiện để hỗ trợ cần:

- Bản sao một trong các giấy tờ: Hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc đã hết hạn hoặc đã hoàn thành công việc theo hợp đồng lao động; Quyết định thôi việc; Thông báo hoặc thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc là cơ sở để xác định việc chấm dứt HĐLĐ hoặc HĐLV trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 4 năm 2020 đến hết ngày 15 tháng 6 năm 2020;

- Bản sao sổ BHXH hoặc xác nhận của cơ quan bảo hiểm xã hội về BHXH bắt buộc, BHTN là cơ sở để xác định người lao động tham gia BHXH và đóng BHTN mà không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp. Trường hợp không có sổ bảo hiểm xã hội (khi người sử dụng lao động đã đăng ký tham gia BHXH nhưng chưa được cấp sổ BHXH), người lao động cần nêu rõ lý do trong giấy đề nghị.

Câu hỏi 5:

Trường hợp người lao động bị sa thải, kỷ luật mà không đáp ứng đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp thì có được hỗ trợ không? Giấy tờ để xác định người lao động chấm dứt HĐLĐ hoặc HĐLV trong trường hợp này là gì?

Trả lời:

Điều 5 Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg không quy định lý do chấm dứt HĐLĐ hoặc HĐLV của người lao động, do đó, trường hợp người lao động bị sa thải hoặc bị kỷ luật buộc thôi việc nếu đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định thì vẫn được xem xét, hỗ trợ.

Giấy tờ xác nhận việc người lao động chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc trong trường hợp này là quyết định sa thải hoặc quyết định kỷ luật buộc thôi việc của người sử dụng lao động đối với người lao động.

Câu hỏi 6:

Trường hợp người lao động chấm dứt HĐLĐ hoặc HĐLV nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp?

Trả lời:

Theo quy định pháp luật về BHTN, người lao động chấm dứt HĐLĐ hoặc HĐLV không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp khi thuộc một trong các trường hợp sau:

- Đơn phương chấm dứt HĐLĐ hoặc HĐLV trái pháp luật;

- Đóng BHTN dưới 12 tháng trong thời gian 24 tháng trước khi chấm dứt HĐLĐ, HĐLV đối với trường hợp quy định tại điểm a và điểm b Khoản 1 Điều 43 Luật Việc làm;

- Đóng BHTN dưới 12 tháng trong thời gian 36 tháng trước khi chấm dứt HĐLĐ đối với trường hợp theo quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 43 Luật Việc làm;

- Không đang đóng BHTN theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về BHTN.

Câu hỏi 7:

Người lao động bị chấm dứt HĐLĐ hoặc HĐLV nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp nộp hồ sơ tại đâu?

Trả lời:

Người lao động bị chấm dứt HĐLĐ hoặc HĐLV nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp nộp hồ sơ theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg đến UBND cấp xã nơi cư trú hợp pháp (thường trú hoặc tạm trú), trong đó cam đoan về việc chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung kê khai.

Câu hỏi 8:

Trường hợp người lao động đã nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ và được hưởng hỗ trợ 01 tháng hoặc 02 tháng mà người lao động có nhu cầu tiếp tục hỗ trợ và đủ điều kiện hỗ trợ thì thời điểm hỗ trợ tháng tiếp theo được tính từ khi nào?

Trả lời:

Khoản 4 Mục II Nghị quyết 42/NQ-CP của Chính phủ quy định người lao động bị chấm dứt HĐLĐ hoặc HĐLV nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp được hỗ trợ hằng tháng (tính đủ 30 ngày). Do đó, trường hợp người lao động đã được hưởng hỗ trợ 01 tháng hoặc 02 tháng, thời điểm hỗ trợ người lao động trong tháng tiếp theo được tính từ thời điểm người lao động nộp hồ sơ đề nghị gửi UBND cấp xã của tháng hưởng trước đó.

IV. ĐỐI TƯỢNG NGƯỜI LAO ĐỘNG KHÔNG CÓ GIAO KẾT HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

Câu hỏi 1:

Đề nghị hướng dẫn rõ lao động tự làm hoặc làm việc tại các hộ kinh doanh trong lĩnh vực chăm sóc sức khoẻ?

Trả lời

- Người làm nghề masages, xoa bóp y học, châm cứu không có địa điểm làm việc cố định.

- Người lao động làm việc tại các hộ kinh doanh có đăng ký hoạt động xoa bóp y học, masages, châm cứu.

Câu hỏi 2:

Đề nghị hướng dẫn rõ lao động tự làm hoặc làm trong hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú, ăn uống?

Trả lời:

Là người lao động tự làm hoặc làm trong hộ kinh doanh dịch vụ:

1. Lưu trú gồm:

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (khách sạn; căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày tương tự);

- Cơ sở lưu trú khác (ký túc xá học sinh, sinh viên; chỗ nghỉ trọ trên xe lưu động, lều quán, trại dùng để nghỉ tạm; cơ sở lưu trú khác).

2. Ăn uống gồm:

- Nhà hàng, quán ăn, quán ăn tự phục vụ, quán ăn nhanh, cửa hàng bán đồ ăn mang về, hàng ăn uống trên phố, trong chợ, xe bán hàng ăn uống lưu động.

- Quán rượu, bia, quầy bar; quán cá phê, giải khát; dịch vụ phục vụ đồ uống khác.

Câu hỏi 3:

Đề nghị hướng dẫn rõ về lao động làm bốc vác, vận chuyển hàng hoá?

Trả lời:

- Người làm công việc bốc vác hàng hoá tại các ga đường sắt, cảng sông, cảng biển, cảng hàng không và tại các chợ.

- Người thực hiện vận chuyển hàng hoá bằng xe thô sơ, xe môtô 2 bánh, xe xích lô, xe ba gác, xe đẩy tại các chợ, các ga đường sắt, cảng sông, cảng biển và cảng hàng không.

Câu hỏi 4:

Người lao động tự do bị mất việc làm do ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 nhưng vẫn có đất nông nghiệp thì có được hỗ trợ không?

Trả lời:

Điều kiện về không có đất nông nghiệp không phải là tiêu chí bắt buộc trong điều kiện hưởng hỗ trợ của người lao động không có giao kết hợp đồng lao động bị mất việc làm. Người lao động có đất nông nghiệp vẫn được xem xét hỗ trợ nếu đủ

các điều kiện theo quy định tại Điều 7 Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg.

Câu hỏi 5:

Lao động không có giao kết hợp đồng lao động bị mất việc làm ngoài độ tuổi lao động có được hỗ trợ không?

Trả lời:

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 Luật Việc làm: *"Người lao động là công dân Việt Nam từ đủ 15 tuổi trở lên, có khả năng lao động và có nhu cầu làm việc"*, mặt khác, pháp luật hiện hành không quy định trong hay ngoài độ tuổi lao động (khái niệm từ đủ 15 tuổi đến 55 tuổi đối với nữ, từ đủ 15 tuổi đến 60 tuổi đối với nam chỉ áp dụng trong quy định về pháp luật bảo hiểm xã hội). Do đó, người lao động không có giao kết hợp đồng lao động bị mất việc làm theo Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg không bị giới hạn trong hay ngoài độ tuổi lao động.

Câu hỏi 6:

Người lao động không có giao kết hợp đồng lao động bị mất việc làm có thời gian mất việc chưa đủ 1 tháng hoặc trên 1 tháng thì cách tính cụ thể như thế nào?

Trả lời:

Người lao động không có giao kết hợp đồng lao động bị mất việc làm được hỗ trợ hằng tháng. Thời gian mất việc làm từ 15 ngày trở lên được tính là 01 tháng, dưới 15 ngày thì không được tính.

Câu hỏi 7:

Cơ sở xác định mức thu nhập của người lao động không có giao kết hợp đồng lao động bị mất việc làm?

Trả lời:

Người lao động không có giao kết hợp đồng lao động bị mất việc làm kê khai Đề nghị hỗ trợ theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg, trong đó nêu rõ việc cá nhân chịu trách nhiệm với kê khai của bản thân.

Điều 20 Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg quy định: Cá nhân, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp lợi dụng chính sách quy định tại Quyết định này để trục lợi, vi phạm pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà phải bồi thường, bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Đồng thời, Khoản 2 Điều 8 Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg cũng quy định rõ việc giám sát của đại diện các tổ chức chính trị - xã hội, công khai với cộng đồng dân cư, niêm yết công khai danh sách người lao động đề nghị hỗ trợ và giám sát của Mặt trận Tổ quốc làm cơ sở đảm bảo việc đánh giá, xác định đúng đối tượng

Câu hỏi 8:

Làm thế nào để kiểm tra, tránh trùng đối tượng được hỗ trợ trong phạm vi một tỉnh? Quy định đối tượng phải xin xác nhận của nơi thường trú và tạm trú khi không trong phạm vi một tỉnh sẽ làm tăng chi phí?

Trả lời:

Điểm b Khoản 5 Mục IV Nghị quyết số 42/NQ-CP quy định UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ trì xác định và phê duyệt danh sách các đối tượng được hưởng các chế độ hỗ trợ, đảm bảo kịp thời, công khai, minh bạch, đúng đối tượng, không để lợi dụng, trục lợi chính sách. Do đó việc kiểm tra, tránh trùng trong phạm vi một tỉnh thuộc thẩm quyền hướng dẫn của Chủ tịch UBND cấp tỉnh. Việc xin xác nhận của nơi thường trú hoặc tạm trú đối với lao động không có giao kết hợp đồng lao động bị mất việc làm đã được quy định tại Khoản 1 Điều 8 Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg, tuy có thể làm tăng chi phí nhưng mục đích nhằm hạn chế việc trục lợi chính sách, đảm bảo công bằng trong hỗ trợ. Đây chỉ là việc xác nhận không hưởng chế độ hỗ trợ tại địa phương xác nhận, không phải xác nhận về điều kiện hưởng.

V. ĐỐI TƯỢNG NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG

Câu hỏi 1:

Trường hợp đối tượng được hưởng trợ cấp ưu đãi người có công hàng tháng kể từ ngày 01/4/2020 theo quyết định của cấp có thẩm quyền nhưng chưa kịp thời báo tăng trên danh sách chi trả tháng 4/2020 thì có được tổng hợp đề nghị hỗ trợ không?

Trả lời:

Đối tượng người có công được hưởng chế độ tại Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg là người có công có tên trong danh sách đang hưởng trợ cấp thường xuyên tháng 4/2020 và có Quyết định hưởng trợ cấp được ban hành trước ngày 30/6/2020.

Câu hỏi 2:

Đối tượng người có công có tên trong danh sách chi trả tháng 4/2020 nhưng đã từ trần thì thân nhân của đối tượng có được nhận tiền hỗ trợ không? Nếu được nhận thì số tiền được nhận là mấy tháng hay nhận 1 lần cả 03 tháng?

Trả lời:

- Trường hợp này chỉ thực hiện hỗ trợ đối với thời gian theo số tháng khi đối tượng còn sống. Ví dụ, nếu đối tượng chết trong tháng 4/2020 thì hỗ trợ 01 tháng; nếu đối tượng chết trong tháng 5/2020 thì hỗ trợ 02 tháng.

- Kinh phí được chi trả cho hộ gia đình của đối tượng đang sinh sống trước khi chết, các tháng sau đưa ra khỏi danh sách hỗ trợ. Phần kinh phí dự toán chi hỗ trợ còn lại nhưng chưa chi trả cho đối tượng thì phải được hoàn trả lại cho ngân sách nhà nước.

VI. ĐỐI TƯỢNG NGƯỜI THUỘC HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO; ĐỐI TƯỢNG BẢO TRỢ XÃ HỘI

Câu hỏi 1:

Người thuộc hộ nghèo, cận nghèo hoặc đối tượng bảo trợ xã hội hoặc người có công với cách mạng đã nhận hỗ trợ 03 tháng; tuy nhiên, qua rà soát địa phương xác định đối tượng này cũng là lao động tự do bị ảnh hưởng trong tháng 4 (bán vé số, xe ôm,...). Như vậy, có chuyển từ đối tượng từ diện đã chi trả sang đối tượng lao động tự do (mức hỗ trợ 1.000.000 đồng/người/tháng) hay không?

Trả lời:

Theo quy định tại Nghị quyết số 42/NQ-CP và Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg, người có công với cách mạng đối tượng bảo trợ xã hội và người thuộc hộ nghèo, cận nghèo được hưởng hỗ trợ 03 tháng (từ tháng 4 đến tháng 6 năm 2020) và ĐƯỢC CHI TRẢ MỘT LẦN.

Nghị quyết không có quy định về việc điều chỉnh đối tượng nhận chế độ hỗ trợ. Do đó, người có công, đối tượng bảo trợ xã hội và người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đã nhận chi trả một lần theo Nghị quyết số 42/NQ-CP và Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg thì KHÔNG XEM XÉT giải quyết các chế độ chính sách khác quy định tại Nghị quyết số 42/NQ-CP và Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg.

Câu hỏi 2:

Tôi là thành viên hộ nghèo vừa là lao động tự do mất việc làm vậy tôi có được hỗ trợ cả hai thứ hay không?

Trả lời:

1. Theo quy định tại tại Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ, trường hợp đối tượng thuộc diện được hưởng từ 02 chính sách trở lên thì chỉ được hưởng một chế độ hỗ trợ cao nhất. Do vậy, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đồng thời là người lao động không có giao kết hợp đồng lao động bị mất việc làm thì chỉ được hưởng một chế độ hỗ trợ cao nhất.

2. Trường hợp người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo ĐÃ NHẬN CHI TRẢ MỘT LẦN theo Nghị quyết số 42/NQ-CP và Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg thì KHÔNG ĐƯỢC XEM XÉT giải quyết các chế độ chính sách khác quy định tại Nghị quyết số 42/NQ-CP và Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg.

(Theo quy định tại Nghị quyết số 42/NQ-CP và Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg, người thuộc hộ nghèo, cận nghèo được hưởng hỗ trợ 03 tháng (từ tháng 4 đến tháng 6 năm 2020) và ĐƯỢC CHI TRẢ MỘT LẦN. Nghị quyết không có quy định về việc điều chỉnh đối tượng nhận chế độ hỗ trợ).

Câu hỏi 3:

Tôi là mẹ đơn thân nuôi 02 con nhỏ thuộc hộ nghèo thì chế độ hỗ trợ được nhận như thế nào?

Trả lời:

Trường hợp này, người mẹ thuộc đối tượng bảo trợ xã hội, hai con là đối tượng thuộc hộ nghèo (theo chuẩn nghèo quốc gia trong danh sách đến ngày 31 tháng 12 năm 2019). Do đó, để đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho đối tượng, người mẹ được hỗ trợ theo đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg là 500.000 đồng/người/tháng. Hai con nhỏ được hưởng mức hỗ trợ quy định đối với người thuộc hộ nghèo là 250.000 đồng/người/tháng.Thời gian hỗ trợ là 03 tháng, được chi trả 01 lần theo quy định tại Nghị quyết số 42/NQ-CP.

Câu hỏi 4

Người cao tuổi hưởng trợ cấp tử tuất bảo hiểm xã hội hàng tháng thì có được nhận hỗ trợ theo Nghị quyết 42/NQ-CP không?

Trả lời:

Người cao tuổi đang hưởng trợ cấp tử tuất bảo hiểm xã hội hàng tháng không phải là đối tượng bảo trợ xã hội hưởng trợ cấp hàng tháng theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP. Do vậy, trường hợp này không thuộc đối tượng hưởng trợ cấp theo Nghị quyết số 42/NQ-CP.

VII. ĐỐI TƯỢNG NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG VAY VỐN ĐỂ TRẢ LƯƠNG NGỪNG VIỆC CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Câu hỏi 1:

Chủ cơ sở sản xuất kinh doanh gặp khó khăn do đại dịch Covid- 19, phải ngừng sản xuất kinh doanh thì có được hỗ trợ cho vay vốn theo Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg để tiếp tục sản xuất kinh doanh không?

Trả lời:

Trong Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg không có chính sách hỗ trợ vay vốn để sản xuất kinh doanh, chỉ có chính sách vay vốn để trả lương ngừng việc cho người lao động.

Câu hỏi 2:

Doanh nghiệp phải ngừng việc do dịch Covid- 19, có 15/15 người lao động phải ngừng việc, có ký hợp đồng lao động với người lao động, người lao động có tham gia bảo hiểm y tế, nhưng không tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc (vì doanh nghiệp nhỏ, không đủ khả năng cho người lao động tham gia BHXH bắt buộc), từ tháng 4 năm 2020, doanh nghiệp phải đóng cửa, không có nguồn thu nào. Doanh nghiệp có được hỗ trợ vay vốn để trả lương ngừng việc cho người lao động không?

Trả lời:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Quyết định 15/2020/QĐ-TTg, điều kiện để người sử dụng lao động được hỗ trợ vay vốn trả lương ngừng việc là danh sách lao động bị ngừng việc phải có xác nhận của cơ quan bảo hiểm xã hội về việc người lao động đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc trước thời điểm ngừng việc. Vì người lao động của doanh nghiệp không tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc nên doanh nghiệp không đủ điều kiện được vay vốn trên./.